KẾ HOẠCH KINH DOANH
DỰ ÁN TẠM NHẬP TÁI XUẤT HẠT MÈ

I. Ý TƯỞNG KINH DOANH

Tình hình sản xuất và tiêu thụ hạt mè

Hạt mè (tên gọi khác: hạt vừng, tên tiếng anh: sesami) là một cây được thuần hóa ở các vùng nhiệt đới khắp thế giới và được trồng để lấy hạt ăn do hạt có hàm lượng chất béo và chất đạm cao. Hạt vừng chứa từ 38 đến 50% dầu, ngoài ra hạt mè còn chứ nhiều vitamin, khoáng chất tự nhiên và các hợp chất hữu cơ bao gồm canxi, sắt, magiê, phốt pho, mangan, đồng, kẽm, chất xơ, thiamin, vitamin B6, axit folic, protein, và tryptophan.

Hạt mè dù trắng hay đen đều có nhiều tác dụng tốt cho sức khỏe. Mè hạt có thể chữa trị một số chứng rối loạn thần kinh, trong đó có chứng mất ngủ. Trong hạt mè rất giàu chất phytosterol và omega acid giúp ngăn chặn sự hấp thụ cholesterol từ thức ăn và làm giảm các cholesterol "xấu" trong máu. Ngoài ra, hạt mè cũng chứa rất nhiều magiê và canxi, đó là các vi chất dinh dưỡng tác dụng giảm huyết áp, giảm tần suất và cường độ của những cơn đau đầu, đau nửa đầu, làm giảm co thắt đường hô hấp đối với bệnh hen suyễn, điều chỉnh giấc ngủ – đặc biệt là ở phụ nữ mãn kinh, những người thường xuyên bị rối loạn giấc ngủ. Canxi có trong hạt mè rất quan trọng đối với xương và có vai trò không nhỏ trong việc phòng ngừa bệnh loãng xương.

Do có lượng dầu lớn nên hạt mè thường được dùng để sản xuất dầu. Dầu vừng là một loại dầu ăn tốt, ở xứ lạnh (như Hàn Quốc, Nhật Bản…) dầu vừng có ưu điểm hơn dầu ô liu vì nó khó đông đặc lại.

Vì những lợi ích cho sức khỏe và khả năng chịu hạn tốt nên mè được trồng ngày càng nhiều và nhu cầu tiêu thụ hạt mè cũng không ngừng gia tăng[1].

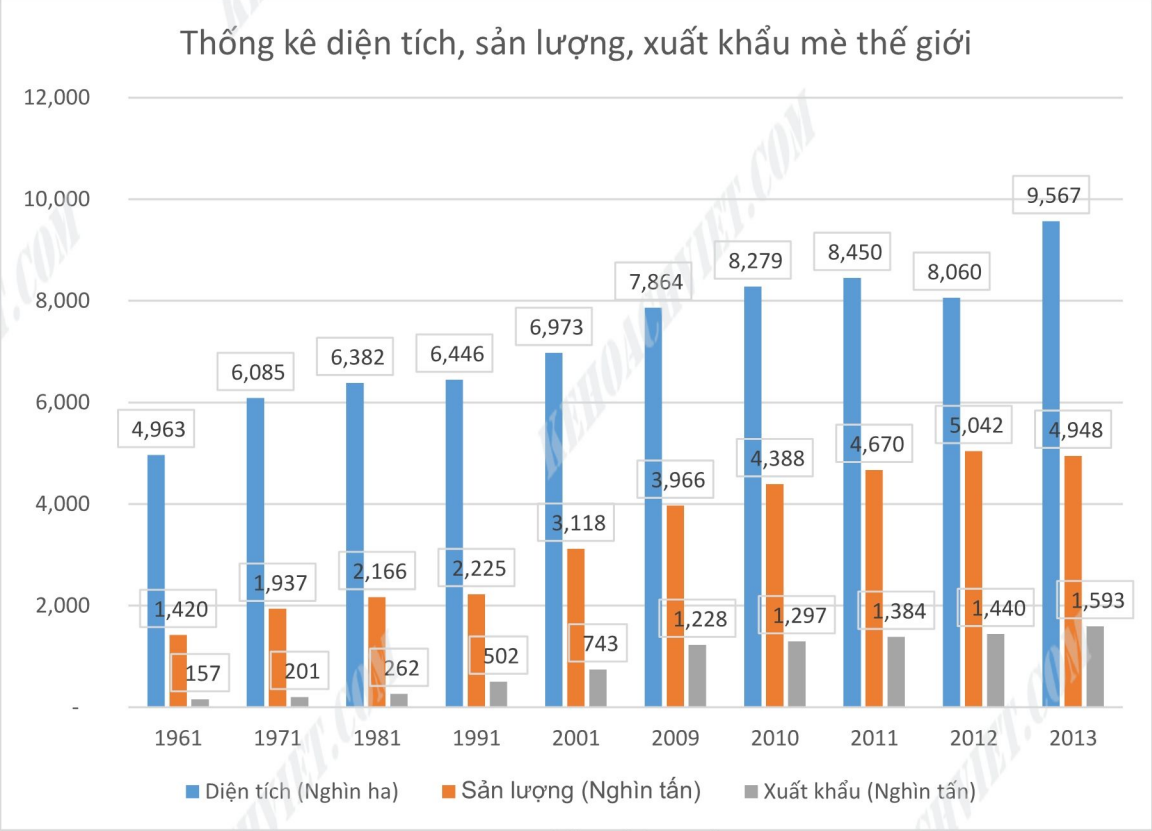

Ấn Độ, Trung Quốc, Nigeria là những quốc gia sản xuất hạt mè hàng đầu thế giới[2].

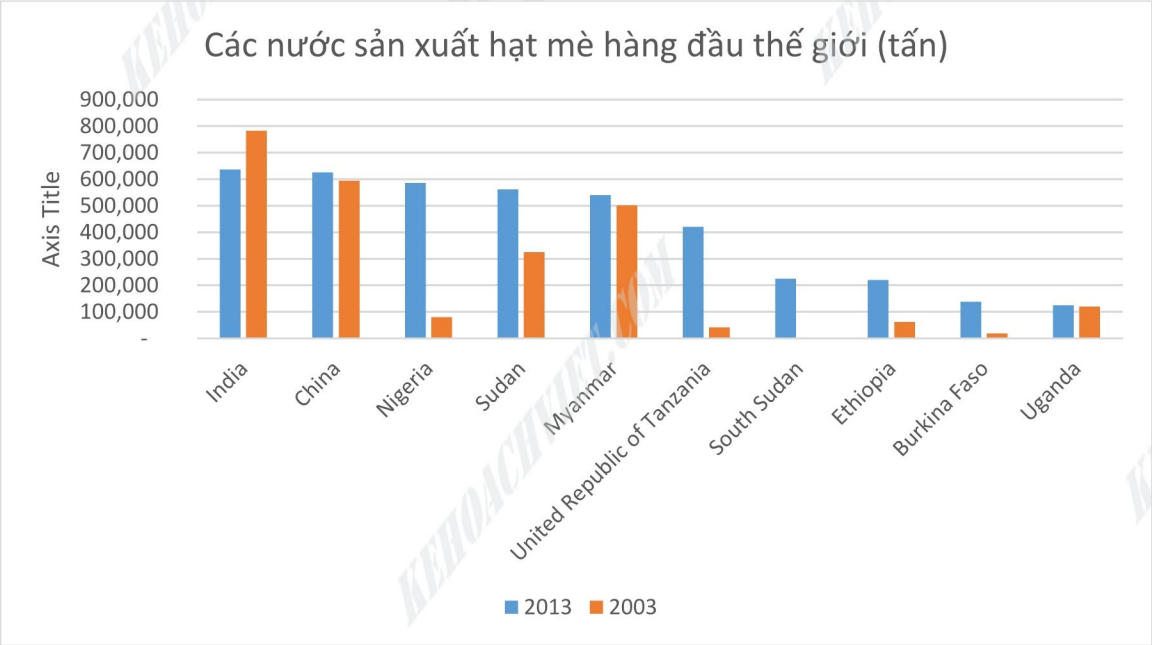

[1] Nguồn Kế Hoạch Việt tổng hợp từ số liệu của Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc
[2] Nguồn Kế Hoạch Việt tổng hợp từ số liệu của Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc

Tuy Ấn Độ và Trung Quốc đều là những quốc gia sản xuất hạt mè hàng đầu thế giới nhưng Trung Quốc lại chủ yếu phục vụ nhu cầu trong nước, còn Ấn Độ thì lại chủ yếu sản xuất để xuất khẩu.

Ấn Độ hiện là nước xuất khẩu hạt mè hàng đầu thế giới. Tiếp theo là các nước Etiopia, Sudan[3].

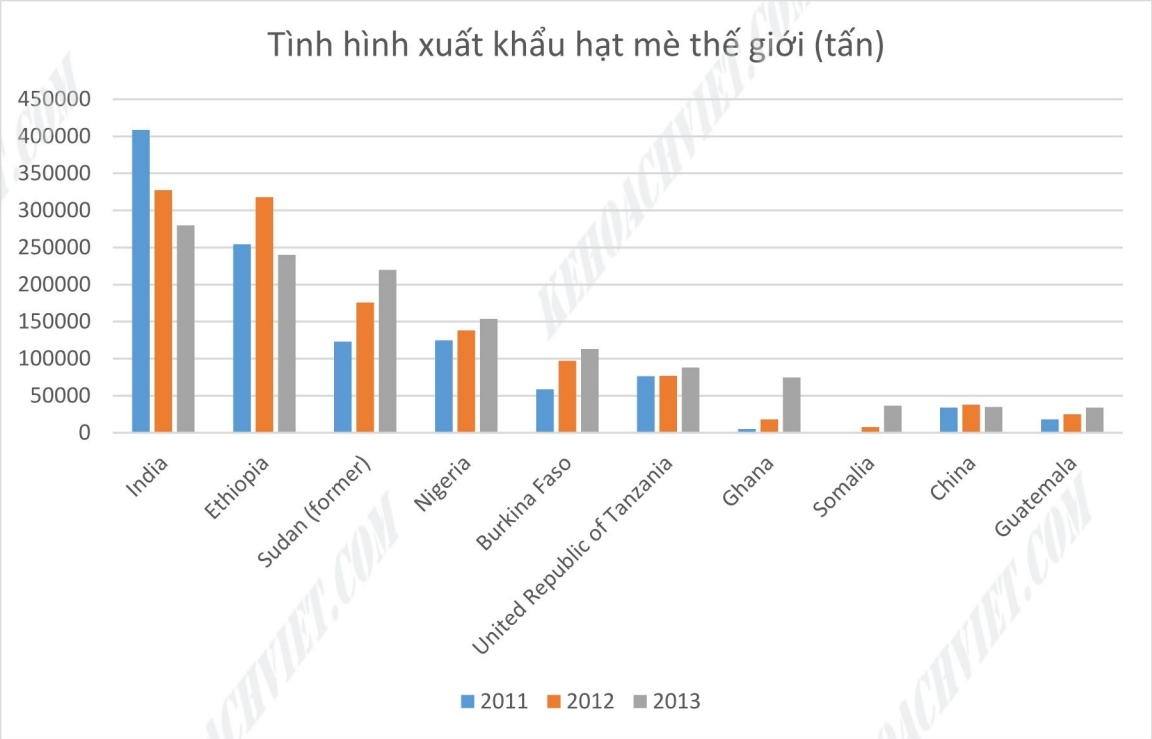

Trung Quốc, Liên Minh Châu Âu, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc là những khu vực nhập khẩu hạt mè hàng đầu thế giới[4].

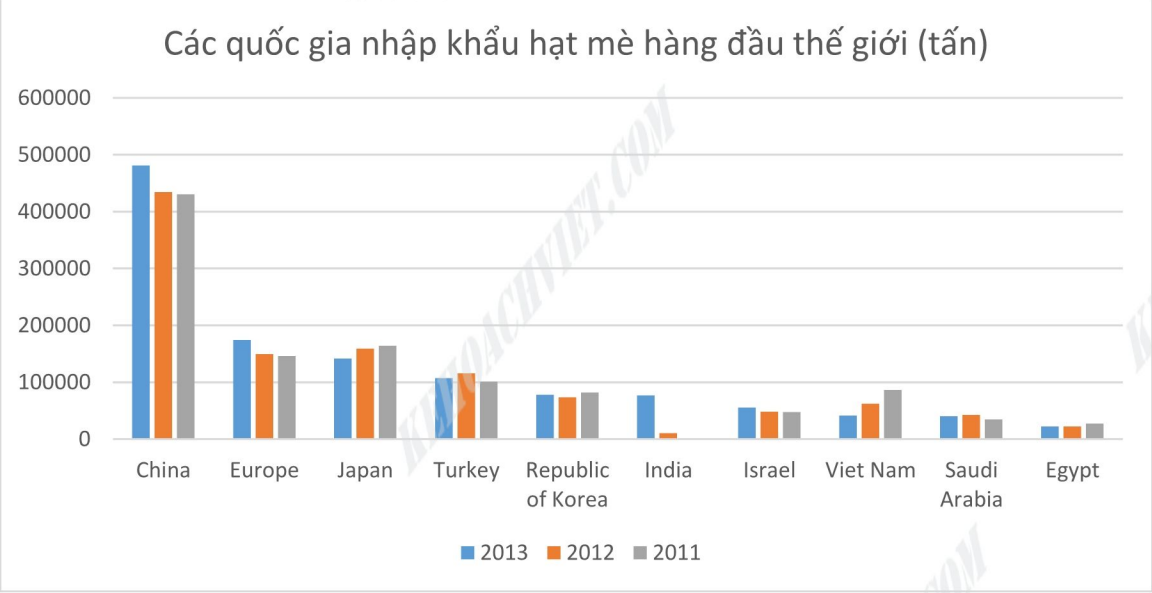

[3] Nguồn Kế Hoạch Việt tổng hợp từ số liệu của Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc
[4] Nguồn Kế Hoạch Việt tổng hợp từ số liệu của Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu hạt mè đứng thứ 5 thế giới với khối lượng nhập khẩu hàng năm ở mức 70 đến 80 nghìn tấn[5].

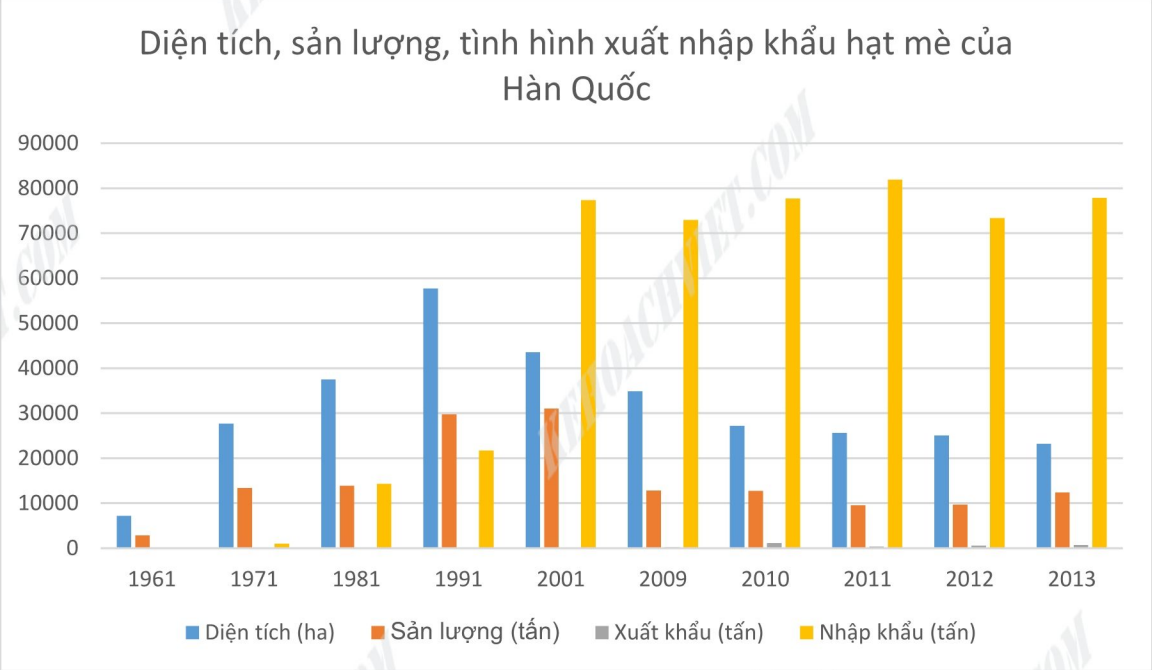

Hiện nay Hàn Quốc chủ yếu nhập khẩu hạt mè từ Ấn Độ, Trung Quốc, Pakistan.

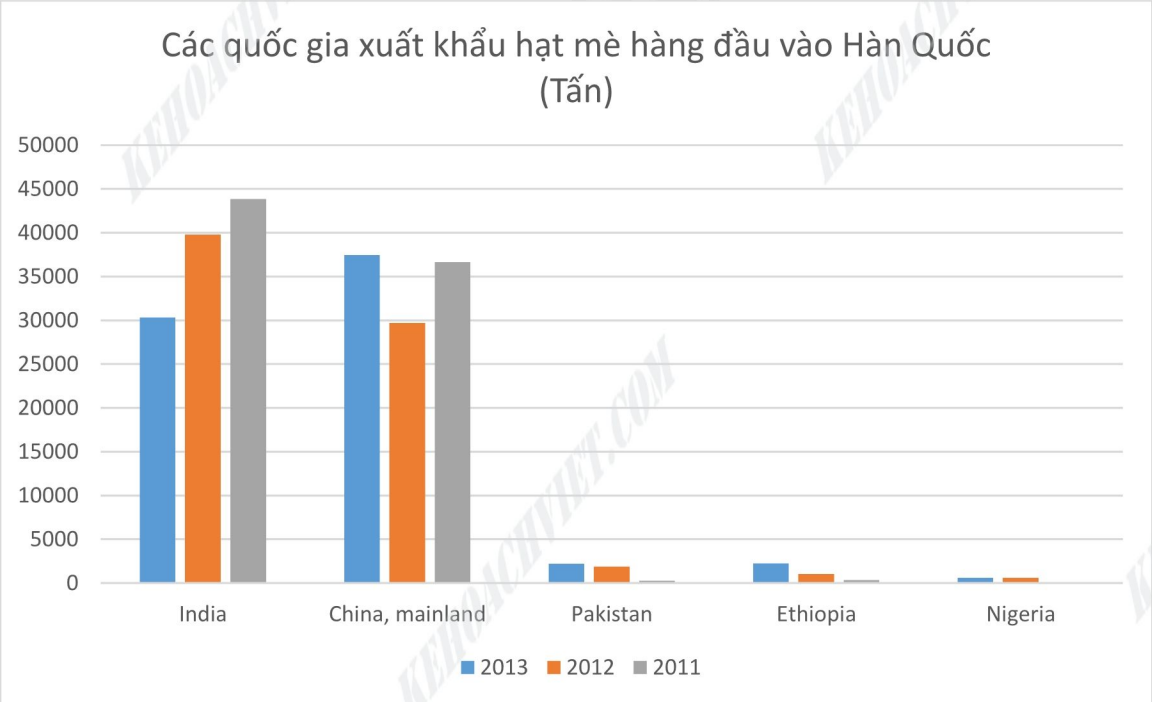

[5] Nguồn Kế Hoạch Việt tổng hợp từ số liệu của Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc

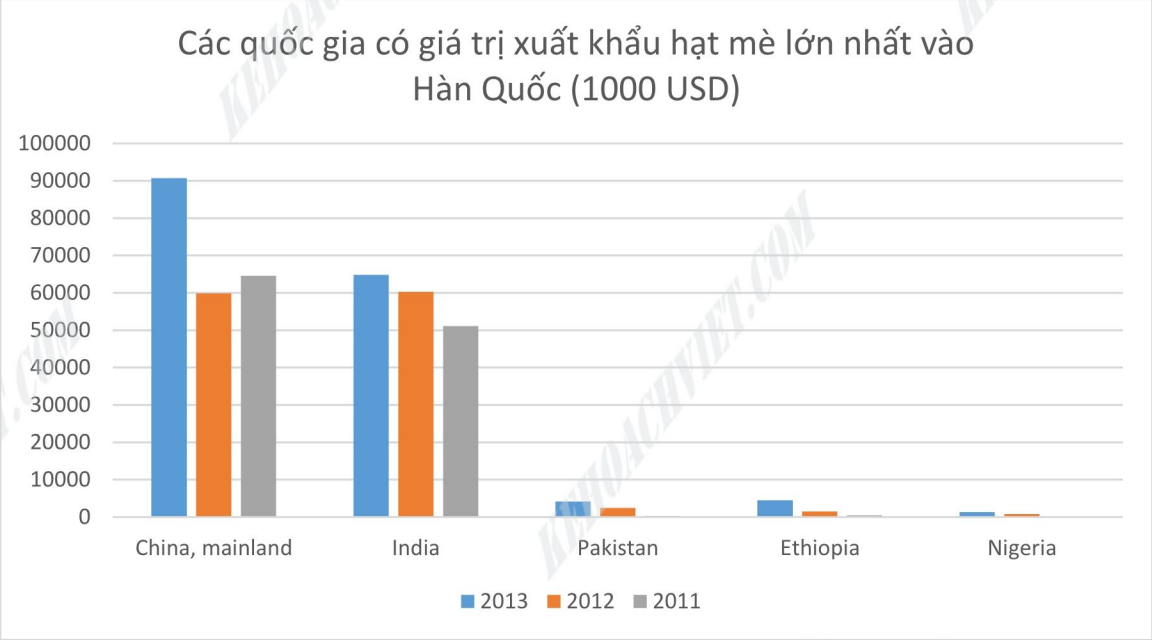

Ý tưởng kinh doanh

Hiện nay Việt Nam đã ký hàng hoạt hiệp định thương mại tự do với các nước như: Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA); ASEAN - Trung Quốc (ACFTA); ASEAN - Ấn Độ (AIFTA); ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)…

STT	Xuất nhập	Mã HS	Thuế suất
	Thuế nhập khẩu hạt mè từ Ấn Độ về Việt Nam (AIFTA)	120740	5%
	Thuế nhập khẩu hạt mè từ Ấn Độ đến Hàn Quốc (India-Korea CEPA)	120740	630%
	Thuế xuất khẩu hạt mè từ Việt Nam đến Hàn Quốc (K-Asean FTA)	120740	504%
	Thuế xuất khẩu bột mè từ Việt Nam đến Hàn Quốc (K-Asean FTA)	120890	0%
	Thuế xuất khẩu bột mè từ Ấn Độ đến Hàn Quốc (India-Korea CEPA)	120890	3%
	Thuế xuất khẩu dầu mè từ Việt Nam đến Hàn Quốc (K-Asean FTA)	151550	504%
	Thuế xuất khẩu dầu mè từ Ấn Độ đến Hàn Quốc (India-Korea CEPA)	151550	630%

Bảng: Mức thuế suất nhập khẩu vào Việt Nam đối với hạt mè ăn được

Mã hàng	12074010
Mô tả hàng hoá	- - Loại ăn được

CHI TIẾT THUẾ SUẤT

Quay về màn hình tìm kiếm

Loại thuế	Thuế suất (%)	Ngày hiệu lực	Căn cứ pháp lý	Diễn biến thuế suất
Thuế nhập khẩu ưu đãi	5	01/09/2016	122/2016/NĐ-CP	Xem
Thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt				
ASEAN (ATIGA)	0	01/09/2016	129/2016/NĐ-CP	Xem
ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)	0	01/09/2016	127/2016/NĐ-CP	Xem
ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA)	0	01/09/2016	130/2016/NĐ-CP	Xem
Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA)	3	01/09/2016	125/2016/NĐ-CP	Xem
ASEAN - Úc - Niu Di-Lân (AANZFTA)	0	01/09/2016	127/2016/NĐ-CP	Xem
ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)	7	01/09/2016	126/2016/NĐ-CP	Xem
Việt Nam - Chi Lê (VCFTA)	5	01/09/2016	132/2016/NĐ-CP	Xem

Bảng: Mức thuế suất nhập khẩu vào Việt Nam đối với hạt mè loại khác

Mã hàng	12074090
Mô tả hàng hoá	- - Loại khác

CHI TIẾT THUẾ SUẤT

Quay về màn hình tìm kiếm

Loại thuế	Thuế suất (%)	Ngày hiệu lực	Căn cứ pháp lý	Diễn biến thuế suất
Thuế nhập khẩu ưu đãi	5	01/09/2016	122/2016/NĐ-CP	Xem
Thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt				
ASEAN (ATIGA)	0	01/09/2016	129/2016/NĐ-CP	Xem
ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)	0	01/09/2016	127/2016/NĐ-CP	Xem
ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA)	0	01/09/2016	130/2016/NĐ-CP	Xem
Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA)	3	01/09/2016	125/2016/NĐ-CP	Xem
ASEAN - Úc - Niu Di-Lân (AANZFTA)	0	01/09/2016	127/2016/NĐ-CP	Xem
ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)	7	01/09/2016	126/2016/NĐ-CP	Xem
Việt Nam - Chi Lê (VCFTA)	5	01/09/2016	132/2016/NĐ-CP	Xem

Bảng: Thuế nhập khẩu hạt mè vào Hàn Quốc

1207400000	Sesamum seeds	Concessive Duty on Agricultural etc (Non-recommended)	20160101~20161231	630.00	6660.00	0	All
1207400000	Sesamum seeds	K-US FTA Tariff (1)	20160101~20161231	420.00	4440.00	0	Part
1207400000	Sesamum seeds	Concessive Duty on Agricultural etc (Recommended)	20160101~20161231	40.00	0.00	0	All
1207400000	Sesamum seeds	K-US FTA Tariff (8)	20160101~20161231	630.00	0.00	0	Part
1207400000	Sesamum seeds	Bukhansan (Mt.)	20160101~20161231	0.00	0.00	0	All
1207400000	Sesamum seeds		20160101~20161231	630.00	6660.00	0	Part
1207400000	Sesamum seeds	K-Asean FTA Tariff (1)	20160101~20161231	504.00	5328.00	0	Part
1207400000	Sesamum seeds		20160101~20161231	0.00	0.00	0	Part
1207400000	Sesamum seeds		20160101~20161231	630.00	6660.00	0	Part

Bảng: Thuế nhập khẩu dầu mè vào Hàn Quốc

1515500000	Sesame oil and its fractions	Concessive Duty on Agricultural etc (Non-recommended)	20160101~20161231	630.00	12060.00	0	All
1515500000	Sesame oil and its fractions		20160101~20161231	630.00	12060.00	0	Part
1515500000	Sesame oil and its fractions	K-Asean FTA Tariff (1)	20160101~20161231	504.00	9648.00	0	Part
1515500000	Sesame oil and its fractions	K-US FTA Tariff (1)	20160101~20161231	420.00	8040.00	0	Part
1515500000	Sesame oil and its fractions	K-US FTA Tariff (8)	20160101~20161231	630.00	0.00	0	Part

Thực tế chênh lệch thuế nhập khẩu bột mè của Hàn Quốc từ Việt Nam và Ấn Độ không đáng kể chỉ trong khoảng 3%. Nhập khẩu hạt mè từ Ấn Độ về Việt Nam và chế biến thành bột mè xuất khẩu sang Hàn Quốc thì sẽ giảm được thuế nhập khẩu do chênh lệch thuế giữa nhập thô và nhập bột là 625%.

Vì thế chúng tôi sẽ xây dựng nhà máy chế biến hạt mè nhập khẩu từ Ấn Độ thành bột mè để xuất khẩu sang Hàn Quốc để tận dụng các ưu đãi và chênh lệch thuế quan.

II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Công nghệ sản xuất

Áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại để giảm thiểu nhân công tuy chi phí thấp hơn.

- Công nghệ sấy thùng quay: nhập khẩu từ trung quốc, chi phí đầu tư là 50.000 USD, công suất sản xuất: 1 tấn bột/h, cần 7 công nhân vận hành/1 ca, lương 6-7 triệu/ca. Ngày sản xuất 20h.
- Công nghệ máy sấy tầng sôi: công nghệ sản xuất tự động, nhập khẩu từ Ấn Độ, chi phí đầu tư là 150.000 USD, công suất sản xuất: 1 tấn bột/h, cần 3 công nhân vận hành/ca, ngày sản xuất 20h.

Bảng: So sánh 2 thiết bị

Chỉ tiêu	Công nghệ sấy thùng quay	Công nghệ máy sấy tần sôi
Chi phí ban đầu	1,113,250,000	3,397,500,000

Công nhân	21	9
Lương tháng	147,000,000	63,000,000
Công suất/h (tấn)	1	1
Công suất/ ngày (tấn)	20	20
Khấu hao (năm)	20	20
Chi phí hàng năm	55,662,500	169,875,000
Lương nhân viên/ năm	1,764,000,000	756,000,000
Công suất	**7,200**	**7,200**
Tổng chi phí phải chi/năm	**1,819,662,500**	**925,875,000**

Như vậy dùng thiết bị công nghệ sấy tầng sôi sẽ giúp giảm khoảng 50% chi phí sản xuất/năm.

2. Nhà máy sản xuất

Nhà máy sản xuất sẽ được đặt tại khu vực quanh cảng Cát Lái trong phạm vi không quá 20 km

Diện tích nhà máy dự kiến 800m2

Tổ chức thu mua

Giá hạt mè ở tại Việt Nam khá cao hơn so với Ấn Độ. Hiện tại giá hạt mè tại Việt Nam cập nhật ngày 14/10/2016 là 50,000 đồng/kg, nếu vậy ước tính sẽ là 2,208 USD/tấn. Giá nhập khẩu mè tại Ấn Độ chỉ vào khoảng 1500 USD/tấn. Vì thế việc thu mua sẽ tập trung nhập khẩu từ Ấn Độ về Việt Nam và thực hiện gia công chế biến.

Phải tạo nên một hệ thống thu mua khoa học sao cho hạn chế nhất có thể các khâu trung gian để tiết kiệm chi phí và bảo đảm chất lượng sản phẩm gốc. Tổ chức đến tận nơi trồng mè tại các nước nhập khẩu như Ấn Độ, Trung Quốc. Sau đó chuyển về Việt Nam để gia công thành phẩm và xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Có 03 cách thức chuyển hàng từ Ấn Độ về Việt Nam

- Hàng hóa nhiều trên 10.000 tấn 1 lần thuê tàu rời chuyển về Việt Nam
- Đóng container. có 2 loại: cont 20 DC khoảng 20 tấn, cont 40DC khoảng 25 tấn.
- Đóng hàng lẻ ghép với hàng hóa khách và phải đón palet rõ ràng

3. Tổ chức sản xuất

Cơ cấu tổ chức đơn giản nhằm giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất: 1 quản lý, 1 trợ lý quản lý, 1 kế toán kho bãi, 3 nhân công, 1 bảo vệ xưởng, 1 lao công.

Biểu đồ: Cơ cấu tổ chức.

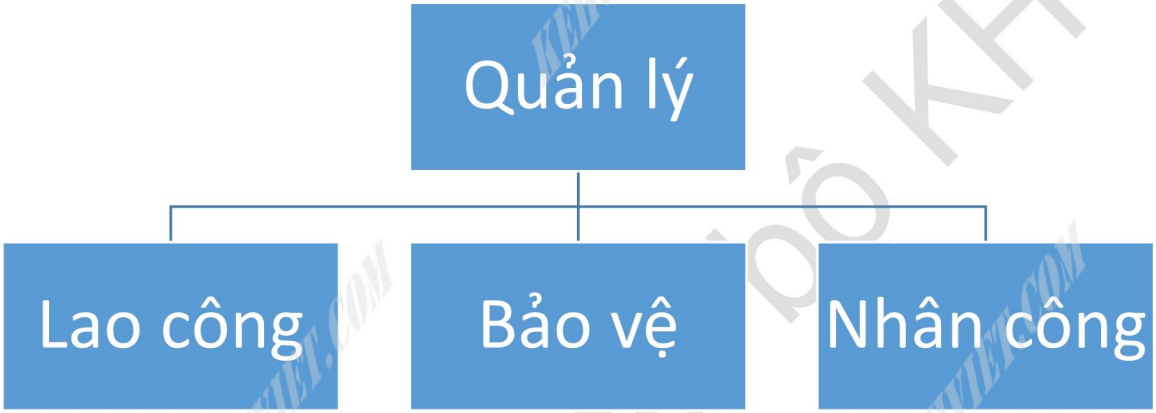

III. TÀI CHÍNH

1. Giả định tài chính
   - Giá vốn hàng bán 90%
   - Khấu hao dây chuyền sản xuất 10 năm
   - Chi phí khác bằng 10% tổng chi phí
   - Tài sản cố định khác bằng 10% tổng tài sản
   - Tổng chi phí hoạt động 100 USD/tấn
   - Giá bán dự kiến 1750 USD/tấn
   - Giai đoạn 1 sản xuất 300 tân/tháng
   - Giai đoạn 2 sản xuất 600 tấn/tháng
   - Chi phí vận chuyển xe ôtô 10,000/km
   - Chi phí vận chuyển container trung bình khoảng 10 usd/cont/20 tấn
   - Chi phí đóng gói 600 đồng /kg bột mè
   - Tỉ giá USD/VND: 22,650
   - Giá nhập khẩu hạt mè tươi từ Ấn Độ là 1350 USD/tấn
     Mức hao hụt của sản phẩm sau khi sấy khô là 10% tương đương gia đầu vào là 1500 USD/tấn hạt mè khô
     Giá bán dự kiến là 1500 USD + 250 USD = 1750 USD

Lưu hành nội bộ KHV
KEHOACHVIET.COM

2. Đầu tư ban đầu

Đầu tư ban đầu	Số tiền
Mặt bằng	768,000,000
Chi phí cọc mặt bằng	384,000,000
Dây chuyền sản xuất	3,397,500,000
phòng làm việc giám đốc	2,000,000
Máy tính làm việc	6,000,000
Điện thoại cố định	500,000
Dàn loa công suất vừa	5,000,000
Xe tải trọng lớn	1,300,000,000
Chi phí khác	651,615,000
Tổng chi phí	**6,514,615,000**

3. Chi phí hoạt động theo năm

Trong đó: chi phí môi trường dự kiến là 2,500,000/ năm, chi phí vận chuyển được tính theo 10,000/km bằng xe ôtô.

Chi phí hoạt động	số tiền
Chi phí điện nước	2,076,000,000
Chi phí vệ sinh môi trường	2,500,000
Chi phí nhân sự	1,248,000,000
Chi phí quản lý	543,600,000
Chi phí xuất nhập khẩu	3,607,100,000
Chi phí đóng gói	4,320,000,000
Chi phí vận chuyển	2,880,000,000
Chi phí khác	1,630,800,000
Tổng chi phí	**16,308,000,000**

Dự toán lương nhân viên

Lương nhân viên	Số tiền/tháng	Số tiền/năm
Quản lý	25,000,000	300,000,000
Nhân công	63,000,000	756,000,000
Bảo vệ	12,000,000	144,000,000
Tạp vụ	4,000,000	48,000,000
Tổng	**104,000,000**	**1,248,000,000**

Chi phí nhân sự (đơn vị tính: Triệu đồng)

Lưu hành nội bộ KHV

Chi phí nhân sự	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
Nhân công	756	756	756	756	756
Bảo vệ	144	144	144	144	144
Tạp vụ	48	48	48	48	48
Tổng	1,248	1,248	1,248	1,248	1,248

Chi phí quản lý: (đơn vị tính: Triệu đồng)

Chi phí quản lý	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
Quản lý	300	300	300	300	300
Chi phí công tác	240	240	240	240	240
Chi phí khác	4	4	4	4	4
Tổng	**544**	**544**	**544**	**544**	**544**

4. Dự kiến doanh thu

Doanh thu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
Giá bán (triệu/tấn)	39.638	39.638	39.638	39.638	39.638
Sản lượng (tấn/năm)	3,600	7,200	7,200	7,200	7,200
Doanh thu (triệu đồng)	**142,695**	**285,390**	**285,390**	**285,390**	**285,390**

5. Kết quả kinh doanh

KQKD	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
Doanh thu	142,695,000,000	285,390,000,000	285,390,000,000	285,390,000,000	285,390,000,000
Giá vốn hàng bán	128,425,500,000	256,851,000,000	256,851,000,000	256,851,000,000	256,851,000,000
Lợi nhuận gộp	14,269,500,000	28,539,000,000	28,539,000,000	28,539,000,000	28,539,000,000
Chi phí hoạt động	16,308,000,000	16,308,000,000	16,308,000,000	16,308,000,000	16,308,000,000
Chi phí khấu hao	536,261,500	536,261,500	536,261,500	536,261,500	536,261,500
Chi phí khác	713475000	1426950000	1426950000	1426950000	1426950000
Tổng chi phí	17,557,736,500	18,271,211,500	18,271,211,500	18,271,211,500	18,271,211,500
Lợi nhuận trước thuế vào lãi vay	(3,288,236,500)	10,267,788,500	10,267,788,500	10,267,788,500	10,267,788,500
lãi vay	0	0			
Lợi nhuận trước thuế vào lãi vay	(3,288,236,500)	10,267,788,500	10,267,788,500	10,267,788,500	10,267,788,500
Thuế	20%	20%	20%	20%	20%
Lợi nhuận ròng	**(2,630,589,200)**	**8,214,230,800**	**8,214,230,800**	**8,214,230,800**	**8,214,230,800**
LNR/DT	**-2%**	**3%**	**3%**	**3%**	**3%**

IV. KẾT LUẬN

Dựa trên những nghiên cứu chuyên sâu về thị trường hạt mè thế giới nói chung và nhu cầu hạt mè của Hàn Quốc nói riêng chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu tiêu thụ hạt mè ngày càng gia tăng. Đồng thời các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký với Hàn Quốc (VK

FTA), Việt Nam đã ký với Ấn Độ (AI FTA) sẽ giúp tạo ra chênh lệch thuế quan rất lớn, từ đó giúp giảm giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh. Nếu áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại trong việc sản xuất bột mè và tiết kiệm chi phí sản xuất sẽ tạo ra lợi nhuận rất lớn. Với sự nghiên cứu tỉ mỉ tình hình và sự chuẩn bị kế hoạch kỹ càng chúng tôi tin rằng dự án sẽ chắc chắn thành công.

*** 1 SỐ THÔNG TIN, NỘI DUNG, SỐ LIỆU VÀ HÌNH ẢNH ĐÃ ĐƯỢC KẾ HOẠCH VIỆT LỌC BỚT HOẶC ĐIỀU CHỈNH NHẰM MỤC ĐÍCH BẢO MẬT THÔNG TIN.

*** TÀI LIỆU THAM KHẢO, VUI LÒNG KHÔNG SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI.

Lưu hành nội bộ KHV